

QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP KHÔNG GIAN ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẾ QUỐC NGA Ở CÁC CÔNG QUỐC ROMÂNIA (1711-1829)

VĂN NGỌC THÀNH*
ĐỖ QUANG HIỆP**

Vào buổi tối ngày 9-10-1944, Thủ tướng Anh Winston Churchill và nhà lãnh đạo Liên Xô Iosif Stalin đã có cuộc gặp gỡ riêng tại điện Kremlin, Moscow. Cuộc gặp gỡ diễn ra trong bối cảnh cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai đang đi đến hồi kết và chiến thắng của phe đồng minh đã gần như là chắc chắn. Tại đây, Churchill đã đưa ra một tài liệu mà sau này được gọi là “*thỏa thuận phần trăm*” trong đó bao gồm một danh sách các nước với tỉ lệ phân chia ảnh hưởng dự kiến giữa Liên Xô và Đồng minh phương Tây: România (90/10), Bulgaria (75/25), Hy Lạp (10/90), Nam Tư (50/50) và Hungary (50/50). Stalin nhìn tờ tài liệu một hồi, sau đó nâng tỉ lệ ảnh hưởng của Liên Xô ở Bulgaria từ 75% lên 90% rồi đẩy lại sang phía Churchill (1).

Những đề xuất của Churchill vào buổi tối hôm đó đã phần nào ngầm thừa nhận ảnh hưởng của Liên Xô đối với Đông Âu và khu vực Balkan giờ đây là một *fait accompli* (sự đã rồi). Mặt khác, những thỏa thuận ngầm giữa hai nhà lãnh đạo vào buổi tối hôm đó cũng thể hiện một thực tế rằng, Liên Xô đã kế thừa từ Đế quốc Nga địa bàn ảnh hưởng lâu đời ở khu vực

Balkan, điển hình ở đây là România; và điều này chỉ chấm dứt với việc Nicolae Ceaușescu lên nắm quyền vào năm 1965 cùng với cuộc cách mạng năm 1989 ở România. Ở đây, ảnh hưởng của Nga đã được tạo dựng và liên tục được củng cố trong một thời gian dài gắn liền với quá trình nước Nga vươn lên trở thành một cường quốc trong những thế kỷ XVIII - XIX mà hệ quả của nó là sự hình thành của nhà nước quốc gia dân tộc ở România, trong đó nước Nga đóng một vai trò thiết yếu. Vì vậy, bài viết này nhằm góp phần đưa ra một cái nhìn bước đầu của quá trình thiết lập ảnh hưởng của Nga đối với România và mối quan hệ tương tác phức tạp giữa giới lãnh đạo bản địa với quyền lực Nga hoàng và Sultan (2).

1. Hệ lụy của Chiến dịch sông Pruth (1711): Sự thiết lập của chế độ Phanariotes

Bước sang đầu thế kỷ XVIII, vùng đất mà ngày nay được biết đến là România vẫn chưa thực sự tồn tại, thay vào đó là một tập hợp của ba công quốc Moldavia, Wallachia, Transylvania nằm ở hai bên của dãy Carpathian, và kẹp giữa sông Danube và sông Dniester. Từ những năm cuối thế kỷ XV, những công quốc này, cụ thể là hai

*PGS.TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

công quốc Moldavia và Wallachia, phải chấp nhận trở thành chư hầu cho một Đế quốc Ottoman đang trên đỉnh cao sức mạnh. Khác với những vùng lãnh thổ khác ở Balkan bị sáp nhập trực tiếp vào lãnh thổ Đế quốc, các công quốc này, với vị trí địa lý đặc thù của mình, đã cho phép chúng duy trì một số quyền tự trị nhất định, được thể hiện thông qua việc những vương công (*voivode*) và quý tộc (*boyar*) người bản xứ tiếp tục được nắm quyền cai trị trên những lãnh địa của mình chừng nào họ còn chứng tỏ được lòng trung thành với Sultan người Thổ ở Constantinople (3) để đổi lại sự công nhận và đảm bảo đối với ngôi vị trước những đối thủ chính trị đang nhòm ngó, cùng với đó là sự bảo vệ của đế quốc khỏi những cuộc cướp phá tàn khốc của những toán quân Akýncý và Bashi-bazouk. Mặt khác, nó cũng tạo điều kiện cho sự nảy sinh và duy trì những ý tưởng về độc lập dân tộc khỏi tầm ảnh hưởng của Đế quốc Ottoman trong hàng ngũ giới quý tộc và trí thức ở những công quốc này (4). Điều này được phản ánh qua việc nhiều người trong số họ nhìn sang các cường quốc láng giềng như một chỗ dựa cho công cuộc giành độc lập, trong đó một nước Nga đang trên đà phát triển và hiện đại hóa dưới sự cai trị của Sa hoàng Pyotr I tỏ ra là một thế lực có thể thay đổi cán cân lực lượng trong cuộc chiến chống lại người Ottoman.

Niềm tin đó càng được củng cố hơn nữa sau chiến thắng của Nga trước quân Ottoman trong chiến dịch Azov (1695 - 1696) (5) và trước quân Thụy Điển tại Poltava (1709) (6), còn về phía Nga, mặc dù vẫn đang đặt trọng tâm chiến lược ở khu vực Baltic nhưng cũng nhận ra rằng những công quốc România có thể là cửa ngõ để mở rộng ảnh hưởng vào khu vực Balkan để từ đó nó có thể tiếp cận Biển Đen và Địa Trung Hải, đồng thời, có thể đóng vai trò

như một điểm hậu cần chiến lược cho các chiến dịch chống lại Đế quốc Ottoman trong tương lai. Quyết tâm tiến đánh Thổ của Sa hoàng Pyotr I càng được củng cố khi Sultan Ahmed III, được khích lệ bởi Pháp và Thụy Điển, đã tuyên chiến với nước Nga vào ngày 20-11-1710. Trên cơ sở đó, vào tháng 4-1711, Sa hoàng Pyotr I đã ký một thỏa thuận bí mật với vương công Dimitrie Cantemir của Moldavia và vương công Constantin Brâncoveanu của Wallachia tại Lutsk, theo đó, các vương công và quý tộc của hai công quốc này cam kết trở thành chư hầu của Nga để đổi lại hỗ trợ quân sự cùng với sự đảm bảo cho ngôi vị của mình (7). Nhưng liên minh này đang nhanh chóng tan vỡ chỉ vài tháng sau đó do sự nóng vội và tự tin một cách thái quá của Sa hoàng Pyotr khi đánh giá thấp đối thủ của mình, dẫn đến việc 38.000 quân Nga cùng 5.000 quân Moldavia của Pyotr và Cantemir rơi vào vòng vây của gần 200.000 quân Ottoman tại Stănilești (8). Sa hoàng Nga chỉ thoát chết sau khi chấp nhận trả lại Azov, Taganrog cho Đế quốc Ottoman theo Hiệp định Pruth (9) cùng với một khoản hối lộ 230.000 ruble cho viên chỉ huy Ottoman (10). Vương công Dimitrie Cantemir đã may mắn không bị giao nộp cho triều đình Ottoman và sống lưu vong tại Nga cho đến khi qua đời vào năm 1723, nhưng Constantin Brâncoveanu thì không có được may mắn như vậy, bị phế truất, giam giữ, tra tấn và cuối cùng là hành quyết cùng với bốn người con trai và một cố vấn thân cận tại Constantinople vào tháng 8-1714 sau khi tin tức về việc Brâncoveanu đang bí mật thương lượng với Áo và Nga lọt đến tai Sultan, cũng như từ chối cải đạo sang Islam giáo (11).

Tham vọng của người Nga tạm thời bị chặn đứng khi mất đi quyền tiếp cận đối với biển Azov, triều đình Ottoman đã gia

tăng đáng kể quyền kiểm soát đối với khu vực này thông qua việc bổ nhiệm các vương công người Hy Lạp theo chế độ *Phanariotes* (12) được thiết lập tại Moldavia vào năm 1711, Wallachia vào năm 1716 và tồn tại cho đến năm 1821. Đồng nghĩa với việc giới quý tộc bản địa đã tỏ ra không còn có thể tin tưởng và gần như đã bị gạt ra khỏi đời sống chính trị của các công quốc cùng với những sáng kiến chính trị (13). Các *Phanariotes* trên thực tế là các nhân viên hành chính cấp cao do Sultan bổ nhiệm, chuyển chuyển và bãi miễn theo ý mình, nếu không chứng tỏ được lòng trung thành đối với triều đình hay không đáp ứng được những hạn ngạch cống nạp và thuế má do chính quyền trung ương đặt ra hòng bù đắp cho những khó khăn trong nội bộ đế quốc (14). Ngoài ra, những vương công *Phanariotes* này cũng sẵn sàng làm mọi cách để thu lại lợi nhuận tối đa cho mình sau những cuộc “đầu tư chính trị”, do đó cả hai công quốc này đã phải chịu những khoản thuế khoá nặng nề hơn so với trước đó cộng thêm những khoản cống nạp sản vật địa phương, cũng như cung cấp nhân công và lương thực cho quân đội Ottoman trong các chiến dịch quân sự (15). Nói cách khác, từ đầu thế kỷ XVIII, hai công quốc Moldavia và Wallachia đã trở thành những tiền đồn phòng thủ (16), cũng như những “vựa thuế” và nhân, vật lực của Đế quốc Ottoman trong bối cảnh áp lực quân sự thường trực ngày càng tăng từ phía Nga và Áo.

Những khoản thuế này cùng với các cuộc chiến tranh giữa các cường quốc láng giềng đã tàn phá và làm gián đoạn sự phát triển kinh tế, xã hội và cơ sở hạ tầng ở Moldavia và Wallachia, dẫn đến sự lạc hậu và nghèo nàn của những vùng này so với Transylvania giàu tài nguyên và được bảo vệ bởi dãy Carpathia bên cạnh, cũng như so với các nước châu Âu khác. Chiến tranh

cũng đi liền với những xáo trộn lớn về lãnh thổ kéo theo những luồng chuyển dịch của dân cư, khi nhiều người từ các vùng chiến sự phải di tản đến những vùng lân cận như Transylvania, Serbia, Áo, Nga... để tìm một nơi ở an toàn. Từ đó hình thành nên những cộng đồng dân cư người România hoặc gốc România ở những nước châu Âu, trong khi những tầng lớp tinh hoa România cũng hướng đến các cường quốc châu Âu như một chỗ dựa để chống lại triều đình Ottoman và phục vụ cho những mục tiêu chính trị của mình. Nhưng ở một khía cạnh khác, những vương công *Phanariotes* đã thực hiện một chương trình cải cách rầm rộ với mục tiêu cơ bản là tối đa hoá nguồn thu từ các khoản thuế và duy trì sự ổn định về dân số, thậm chí là tìm cách ngăn chặn việc bán cùng hoá nông dân của các nhân viên thu thuế và giới quý tộc địa phương (17). Đồng thời phần nào đó phản ánh những ảnh hưởng từ những trào lưu tư tưởng của Thời đại Khai minh, vốn đang thịnh hành ở châu Âu và trong các cộng đồng người Hy Lạp lúc bấy giờ. Vương công Constantin Mavrocordat (Konstantinos Mavrokordatos), người từng sáu lần cai trị Wallachia và bốn lần cai trị Moldavia trong khoảng thời gian từ năm 1730 đến năm 1769 (18), đã thực hiện những cải cách hành chính trong đó thay đổi những tiêu chí công nhận danh hiệu quý tộc, từ đó đặt những cơ sở cho sự hình thành của một hệ thống chính quyền quan liêu với những chức năng được mở rộng so với những thời kỳ trước đó (19). Bên cạnh đó, những vương công *Phanariotes* cũng đứng ra bảo trợ cho các trường học, thư viện, bệnh viện và tái quy hoạch các thành phố, thị trấn, giống như những gì họ cũng từng làm ở những thành phố có đông dân cư Hy Lạp trên lãnh thổ đế quốc (20). Điều đáng lưu ý nữa là việc những vương công *Phanariotes* thường

được bổ nhiệm luân chuyển qua lại giữa hai công quốc Moldavia và Wallachia trong một hoặc nhiều nhiệm kỳ, dẫn đến những nội dung cải cách giống nhau cùng được thực hiện ở cả hai công quốc. Vì vậy, ở một góc độ nào đó, những cải cách này đã tạo điều kiện để người România có dịp được tiếp cận với những tư tưởng mới của một *Kỷ nguyên Khai sáng Hy Lạp*, đồng thời củng cố hơn nữa mối quan hệ sẵn có giữa hai công quốc của người România dẫn đến sự thống nhất của hai công quốc này không lâu sau này (21).

2. Hiệp ước Küçük Kaynarca và bước mở đầu cho một nền bảo hộ của Nga đối với các công quốc România

Sau thất bại của Nga năm 1711, giới quý tộc người România nhìn sang Áo như một chỗ dựa để chống lại triều đình Sultan nhưng họ đã nhanh chóng phải thất vọng khi người Áo, sau khi giành được Oltenia và Temeşvar theo Hiệp ước Passarowitz (1718), thay vì bảo vệ quyền lợi và mục tiêu của giới quý tộc bản địa, lại áp đặt quyền kiểm soát trực tiếp lên những vùng đất họ kiểm soát và có ý định sử dụng những vùng đất này làm bàn đạp để phục vụ cho ý đồ mở rộng ảnh hưởng ở phía Tây Balkan hơn là mất thời gian tạo dựng thiện cảm với giới lãnh đạo România (22). Trong khi, người Nga, sau những bất ổn trong triều đình khi Pyotr I mất mà không có người nối ngôi cùng với các cuộc chiến tranh kế vị ở Áo và Ba Lan, cũng phải tạm hài lòng với việc giành lại được Azov ở vùng cửa sông Don.

Mọi chuyện chỉ thay đổi vào năm 1762, khi Yekaterina II sau khi lật đổ người chồng bạo ngược thất thường của mình để trở thành người cai trị của Đế quốc Nga, đã theo đuổi một chính sách hiếu chiến hơn để mở rộng cánh cửa đi vào “*châu Âu*” và đoạt

lấy những cảng biển nước ấm quý giá cho nước Nga. Năm 1768, lấy cớ Nga can thiệp vào nội tình Ba Lan, lại một lần nữa được khích lệ bởi Pháp và Thụy Điển, Sultan người Thổ đã tuyên chiến với Nga. Trước những chiến thắng áp đảo sau đó của quân Nga trên chiến trường, đặc biệt là với việc quân Nga tiến vào Iaşi (7-10-1769) và Bucharest (17-11-1769) trong sự chào đón của đông đảo dân chúng theo Chính Thống giáo nơi đây, xem họ như những người giải phóng (23), niềm tin của giới quý tộc và trí thức România về triển vọng độc lập lại một lần nữa được vực dậy và củng cố. Tại đây, những ý tưởng về tình trạng chính trị tương lai của hai công quốc được đưa ra bàn luận rộng rãi, trong đó nổi bật nhất vẫn là ý tưởng về việc thành lập hai công quốc độc lập của người România khỏi Đế quốc Ottoman dưới sự bảo trợ của các cường quốc, ngoài ra, những ý tưởng về một nền tự trị của người România trong khuôn khổ sự chiếm đóng của Đế quốc Nga cũng xuất hiện và dành được những thiện cảm nhất định (24).

Chiến tranh chỉ kết thúc với bản Hiệp ước Küçük Kaynarca (1774), đánh dấu thất bại hoàn toàn của Đế quốc Ottoman trước một Đế quốc Nga mới nổi đang trên đà bành trướng mạnh mẽ, đồng thời mở ra một bước ngoặt mới đối với tình hình khu vực: Nga có một chỗ đứng vững chắc ở bờ phía Bắc Biển Đen, quyền tự do thông thương qua các eo biển Bosphorus, Dardanelles cùng với các hải cảng, đất liền trong tất cả các tỉnh của Đế quốc Ottoman; đánh dấu bước mở đầu cho sự thâm nhập ồ ạt của thương mại châu Âu vào Đế quốc Ottoman trong những thế kỷ sau này. Nhưng lợi thế quan trọng nhất mà người Nga có được tại Küçük Kaynarca là sự công nhận một địa vị đặc biệt của nước Nga với

vai trò người bảo hộ cho những thần dân và lãnh địa Cơ Đốc giáo của Đế quốc Ottoman (25). Hiệp ước Küçük Kaynarca đã mang lại những lợi thế lớn cho nước Nga trong khu vực nói chung và đối với các công quốc România nói riêng. Người Nga đã ngay lập tức không bỏ lỡ cơ hội đó mà mở rộng hơn nữa ảnh hưởng của mình trong khu vực, tuy nhiên, sự xoay chuyển của thế cục và những biến động của Cách mạng Pháp kéo theo sau đó là những cuộc chiến tranh của Napoléon đã ngăn không cho người Nga đến được Constantinople hay có được Vương quốc Dacia (26). Nhưng ảnh hưởng của Nga đối với các công quốc România về căn bản đã được xác lập và dần được củng cố theo thời gian, mặc cho những nỗ lực của Sultan để giành lấy thiện cảm của giới quý tộc bản địa và để thiết lập một cơ chế quản lý ổn định đối với các công quốc. Sự can thiệp của Nga vào nội tình của các công quốc, giờ đây, không bị cản trở và không bị giới hạn trong việc bổ nhiệm hay phế truất các vương công mà còn được mở rộng với sự hiện diện của các cơ quan đại diện thường trực của Nga tại Iași và Bucharest (27). Về danh nghĩa, các công quốc Moldavia và Wallachia vẫn là chư hầu của Đế quốc Ottoman nhưng trên thực tế đã gần như trở thành những vùng lãnh thổ độc lập được đặt dưới sự bảo trợ của Nga (28).

Như vậy, thế kỷ XVIII và những năm đầu thế kỷ XIX đã liên tiếp chứng kiến những cuộc chiến tranh giữa các đế quốc để tranh giành quyền kiểm soát đối với các công quốc România. Trong đó, một Đế quốc Nga đang trên đà bành trướng mạnh mẽ đã nhanh chóng nhận thức được tầm quan trọng chiến lược của các công quốc România như một bước đệm và một trung tâm hậu cần phục vụ cho các chiến dịch

chống lại Đế quốc Ottoman ở Balkan trong tương lai (29). Để hiện thực hóa những kế hoạch và toan tính của mình, Đế quốc Nga đã tìm mọi cách, chủ yếu là gây áp lực buộc triều đình Ottoman phải đưa ra những nhượng bộ ngày càng rộng rãi về kinh tế, chính trị đối với Nga và các công quốc; để từ đó gia tăng và củng cố ảnh hưởng của mình lên các công quốc Moldavia và Wallachia. Trên cơ sở một loạt những hiệp ước, thỏa thuận giữa hai đế quốc mà đến nửa cuối thế kỷ XVIII đã cho phép xác lập đặc quyền của Nga trong việc can thiệp vào tình hình nội bộ của các công quốc, từ đó, từng bước xác lập và củng cố không gian ảnh hưởng của mình trong khu vực trên cơ sở sự suy giảm ảnh hưởng của triều đình Ottoman.

Ở chiều hướng ngược lại, thuận lợi quan trọng nhất đối với công cuộc xác lập và củng cố ảnh hưởng của Nga trong khu vực đến từ việc một bộ phận không nhỏ giới quý tộc và trí thức ở các công quốc này cũng nhìn nhận Nga như một chỗ dựa khả dĩ nhất để chống lại Đế quốc Ottoman và hiện thực hóa những mục tiêu của mình (30). Đặc biệt là trong bối cảnh phần lớn các vương công *Phanariotes* vẫn trung thành với Sultan, còn giới quý tộc bản địa, bị suy yếu vì mất đặc quyền và chia rẽ nội bộ, một mặt muốn viện đến một thế lực bên ngoài để củng cố địa vị của mình, nhưng mặt khác sẵn sàng chống lại sự can thiệp từ bên ngoài để bảo vệ những quyền lợi ít ỏi còn lại của mình (31). Bên cạnh đó, uy thế và sự can thiệp của Đế quốc Nga cũng tiềm ẩn những nguy cơ khôn lường - những nguy cơ mà trong hơn một nửa thế kỷ sau đó sẽ dần hiển hiện rõ ràng thông qua mối quan hệ phức tạp giữa Nga với các công quốc România trong các cuộc chiến chống lại Đế quốc Ottoman sau này.

3. Hướng tới một nền bảo hộ của Đế quốc Nga: Từ Tudor Vladimirescu và cuộc Cách mạng Hy Lạp đến Hiệp ước Adrianople

Năm 1815, với những thỏa thuận hòa bình được thiết lập tại Vienna, nước Nga đã có thể hài lòng với vị thế của mình và với hiện trạng của châu Âu. Giờ đây, mối đe dọa từ Napoléon và cuộc Cách mạng Pháp đã không còn nữa, Nga nghiêm nhiên trở thành một thế lực hùng mạnh nhất trên lục địa châu Âu, đóng một vai trò trụ cột trong *Hệ thống Metternich* và *Liên minh Thần thánh* được lập ra nhằm duy trì trật tự hiện hành của châu Âu khỏi những biến động của chiến tranh và cách mạng. Tuy nhiên, với tư cách là một *Quân vương Khai sáng*, Nga hoàng Aleksandr I đã khuyến khích những cải cách hành chính và lập pháp từ trên xuống dưới thông qua một mô hình chính quyền hợp pháp nhằm ngăn chặn tình trạng tham nhũng và quản lý yếu kém. Nhưng cũng giống như Áo và Phổ, Nga cũng sẵn sàng can thiệp bằng vũ lực đối với bất cứ ý đồ cách mạng và lật đổ một chính quyền được công nhận là hợp pháp bởi các cường quốc, nhưng cũng có những ngoại lệ nhất định trong thái độ của Nga đối với Đế quốc Ottoman nhằm tiếp tục duy trì và củng cố ảnh hưởng của mình trong khu vực, đặc biệt là trong khuôn khổ các đường biên giới đã được vạch ra tại Vienna. Trong những năm sau đó, Nga đã liên tục gây áp lực buộc triều đình của Sultan phải trao thêm các quyền tự trị đối với Serbia, Moldavia và Wallachia trên cơ sở những điều khoản của các Hiệp ước Kükük Kaynarca (1774) và Bucharest (1812) trước đó (32).

Trong khi đó, tình hình ở các công quốc România vẫn tiếp tục ảm đạm. Chiến tranh, sự chiếm đóng và chính sách cai trị hà khắc của các vương công *Phanariotes* tiếp tục để lại những hậu quả nghiêm trọng

ở cả hai công quốc. Sự chiếm đóng của Đế quốc Nga trong cuộc chiến tranh 1806 - 1812 đã chứng kiến việc giới quan chức và chỉ huy Nga từng bước can thiệp trực tiếp đời sống chính trị, xã hội của các công quốc. Nhưng nghiêm trọng hơn cả là việc một phần lớn ngân sách, vốn đã eo hẹp của hai công quốc (72% ở Wallachia và 61% ở Moldavia chỉ riêng trong năm 1808) cùng với toàn bộ xe ngựa, gia súc và một phần lớn hoa màu bị chính quyền trưng thu để duy trì nguồn cung nhu yếu phẩm cho quân đội Nga (33). Tất cả những điều này đã gây nên những bất mãn và căng thẳng sâu sắc giữa người România đối với Nga (34) khi họ thấy mình bị bần cùng hóa ở một mức độ chưa từng có. Trong khi ở một chiều hướng ngược lại, giới chỉ huy Nga cũng cảm thấy mình bị lừa dối khi phải vừa vật lộn trong những cuộc đấu đá quyền lực giữa các phe phái quý tộc bản địa, vừa phải vật lộn để đảm bảo nguồn cung nhu yếu phẩm cho quân đội ở một vùng đất nghèo nàn và bị tàn phá nặng nề (35). Sau chiến tranh, thời kỳ cai trị của các vương công Ioan Caragea (Ioannis Karatzas) ở Wallachia (1812-1818) và Scarlat Callimachi ở Moldavia (1812-1819) đã chứng kiến sự hà khắc của chế độ *Phanariotes* lên đến đỉnh điểm với việc các vương công này, đặc biệt là Caragea, tìm mọi cách vơ vét của cải để bù đắp cho những khoản mua bán chức tước (36) và thanh toán các đối thủ chính trị dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng gay gắt với giới quý tộc và dân cư bản địa (37). Caragea sau khi thất sủng đã phải sống lưu vong tại Pisa, người kế nhiệm ông, Alexandru Suțu (Alexandros Soutzos) khi đến nhậm chức tại Wallachia đã mang theo bên mình một số lượng thân quyến và tùy tùng lên tới gần 900 người (38) và trong ba năm cầm quyền (1818-1821) đã vơ vét một

số tài sản ước tính trị giá 28.657.000 piaștri, tức gần bằng 1/4 số tiền mà công quốc này phải cống nạp cho Đế quốc Ottoman trong tám năm (1812-1820) là 120.000.000 piaștri (39).

Cuộc Cách mạng Hy Lạp nổ ra vào năm 1821 (40) đã đặt các công quốc România vào một vị thế phức tạp. Một mặt, những lãnh đạo của phong trào cách mạng, dưới danh nghĩa được Nga hậu thuẫn, đã tìm cách lôi kéo vào hàng ngũ của mình một số vương công *Phanariotes* và quý tộc ở các công quốc này hòng phục vụ cho ý đồ kích động một cuộc nổi dậy chống Ottoman trên quy mô toàn bán đảo Balkan (41), đồng thời mở đường cho lực lượng cách mạng của Alexandros Ypsilantis có thể từ Nga tiến về hội quân ở Hy Lạp (42). Mặt khác, những vương công người Hy Lạp ở các công quốc này cũng sẵn sàng đi nước đôi để bảo toàn những quyền lợi của mình bằng cách vừa hậu thuẫn cho lực lượng cách mạng vừa cung cấp thông tin cho phía Sultan. Ngoài ra, sự cai trị của các vương công *Phanariotes* cũng đã tạo cho nó không ít kẻ thù trong lòng các công quốc, nổi bật trong số đó là đội quân Pandur của Tudor Vladimirescu đã liên minh với quân cách mạng của Ypsilantis. Với sự giúp sức của quân Hy Lạp, Vladimirescu đã có thể đánh chiếm được thủ phủ Bucharest vào ngày 21-3-1821. Tuy nhiên, mối quan hệ đồng minh giữa Alexandros và Tudor sớm đi đến đổ vỡ sau khi hai người nảy sinh bất đồng về mục tiêu và cách thức hành động (43). Trong khi Tudor Vladimirescu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ của lực lượng cách mạng Hy Lạp để tranh giành tước vương công Wallachia với Scarlat Callimachi (44) hòng xóa bỏ chế độ *Phanariotes*, thì Alexandros Ypsilantis lại chủ trương lợi dụng liên minh với Tudor để mở đường tiến vào Hy Lạp, trong khi luôn hứa hẹn về một

sự tham chiến cho quân Nga - một điều đã không xảy ra. Thêm vào đó, tâm lý bài Hy Lạp ngày càng mạnh mẽ của giới quý tộc và cư dân địa phương đã góp phần đẩy những mâu thuẫn giữa Vladimirescu và Ypsilantis ngày càng lên cao dẫn đến việc vị thủ lĩnh Pandur bị kết tội phản bội và bị xử tử tại Târgoviște (45).

Việc mất đi những đồng minh România đồng nghĩa với việc giờ đây Ypsilantis phải đơn độc đối mặt với cuộc tấn công của quân Ottoman và bị đánh bại tại Drăgășani (46), đánh dấu sự kết thúc cho cuộc nổi dậy của lực lượng cách mạng Hy Lạp ở các công quốc România. Trong khi đó, sau khi mất đi thủ lĩnh, những nhóm tàn quân Pandur tiếp tục kháng cự ở vùng núi phía Bắc Oltenia cho đến khi bị đàn áp hoàn toàn vào cuối năm 1821. Mặc dù vậy, triều đình Ottoman cũng phải xem xét lại cách thức cai trị những vùng đất này sau khi những vương công *Phanariotes* đã tỏ ra không còn đáng tin cậy như trước (47) và một lần nữa buộc phải dựa vào những quý tộc địa phương như xưa bằng cách bổ nhiệm Grigore IV Ghica làm vương công Wallachia và Ioan Sandu Sturdza làm vương công Moldavia (48), qua đó đánh dấu chấm dứt cho sự tồn tại của Chế độ *Phanariotes* sau hơn một thế kỷ (49). Rõ ràng, cuộc nổi dậy của Tudor Vladimirescu đã mở đầu cho một quá trình thức tỉnh tinh thần dân tộc của người România với mục tiêu cuối cùng chính là sự thành lập của một nhà nước thống nhất và độc lập của người România, thoát khỏi ảnh hưởng của Hy Lạp và Ottoman.

Năm 1827, các cường quốc châu Âu đã đi đến quyết định can thiệp vào *Vấn đề Hy Lạp* thông qua các hội nghị giữa ba cường quốc Anh, Pháp, Nga tại London (50) và cuộc tấn công vào lực lượng hải quân Ottoman tại Navarino. Để đáp trả lại,

Sultan tuyên bố đóng cửa eo biển Dardanelles, đình chỉ Hiệp ước Akkerman mới được ký kết một năm trước đó và tuyên chiến với Nga. Tháng 4-1828, quân Nga một lần nữa tiến vào chiếm đóng các công quốc Moldavia và Wallachia, một chính quyền quân sự mới do Fyodor Pahlen (Friedrich von der Pahlen) đứng đầu được thiết lập để quản lý và trưng dụng các nguồn tài nguyên sẵn có của hai công quốc để phục vụ cho mục đích chiến tranh, cũng như chiêu mộ một số lực lượng Pandur cho các hoạt động quân sự (51). Cuộc chiến kết thúc một năm sau đó với Hòa ước Adrianople (14-9-1829) (52) trong đó phản ánh một sự thay đổi chiến lược của giới lãnh đạo Nga chủ ý duy trì một Đế quốc Ottoman yếu trong khu vực nhằm ngăn chặn các cường quốc khác có thể có được những yêu sách tương tự (53). Theo nội dung của Hòa ước Adrianople (1829), triều đình Ottoman buộc phải công nhận nền tự trị của Hy Lạp và tái đảm bảo quyền tự trị của Serbia, cũng như cho phép Nga chiếm đóng các công quốc România cho đến năm 1834 cùng với một số thay đổi nhỏ về mặt biên giới ở khu vực Caucasus và dọc theo lưu vực sông Danube giữa Wallachia do Nga chiếm đóng với Rumelia thuộc Ottoman mà theo đó các thành phố Turnu-Severin, Giurgiu và Brăila dọc theo sông Danube bị chiếm đóng trước đó phải được phía Ottoman trả lại cho Wallachia (54).

Về phần các công quốc România, Hòa ước Adrianople đã một lần nữa khẳng định và củng cố ảnh hưởng của Nga trong khu vực với việc cả Moldavia và Wallachia giờ đây nằm dưới sự chiếm đóng và quản lý trực tiếp của Nga; không những thế mà Sultan cũng bị buộc phải tái cam kết tuân thủ những hiệp ước đã được ký kết với Nga trước đó và trao thêm quyền tự trị cho các công quốc này. Tuy nhiên, lại một lần nữa,

chiến tranh và tình trạng chiếm đóng hà khắc của Pahlen, cũng như sau đó là của Zheltukhin, đã làm phai nhạt nốt những thiện cảm ít ỏi còn lại của cư dân bản địa đối với Nga khi mà giờ đây cả hai công quốc đều phải hứng chịu sự tàn phá nặng nề của chiến tranh và lâm vào tình trạng hỗn loạn do mất mùa, đói kém, cũng như dịch bệnh hoành hành (55). Điều này chỉ thay đổi sau khi hòa bình được lập lại và một loạt những cải cách mới được ban hành bởi Pavel Kiselyov (56) đem đến những chuyển biến kinh tế, xã hội căn bản góp phần làm thay đổi bộ mặt của hai công quốc từ đó tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các ý niệm về chủ nghĩa dân tộc, cùng với đó là quá trình thống nhất của hai công quốc và sự hình thành của một nhà nước România độc lập vào nửa cuối thế kỷ XIX.

4. Kết luận

Từ những thế kỷ XV-XVI, với vị trí chiến lược quan trọng của mình, các công quốc România đã trở thành địa bàn tranh giành ảnh hưởng giữa các đế quốc xung quanh chúng. Đến đầu thế kỷ XVIII, giới lãnh đạo Nga đã dần nhận thức được tầm quan trọng của các công quốc này như một trung tâm hậu cần và một bàn đạp chiến lược cho công cuộc bành trướng lãnh thổ của mình, còn Đế quốc Ottoman mong muốn duy trì ảnh hưởng của mình ở các công quốc này nhằm tạo một vùng đệm ngăn cách nó với các cường quốc láng giềng và có được nguồn thu tài chính quan trọng từ đây.

Với Hiệp ước Küçük Kaynarca (1774), Nga đã xác lập cho mình một chỗ đứng vững chắc ở trong khu vực và giành lấy quyền bảo hộ đối với các thần dân Cơ Đốc giáo của Đế quốc Ottoman nói chung và đối với các công quốc România nói riêng. Trong những năm sau, thông qua một loạt những cuộc chiến tranh và những hiệp ước hòa bình theo sau đó, Nga đã buộc triều đình

Ottoman phải có những sự nhượng bộ kinh tế, chính trị ngày càng lớn, qua đó từng bước thiết lập và củng cố ảnh hưởng của mình ở các công quốc România, cũng như từng bước làm suy giảm ảnh hưởng của Đế quốc Ottoman đối với các công quốc này. Đến năm 1829, mặc cho những nỗ lực nhằm giành lấy thiện cảm của giới quý tộc bản địa và thiết lập một hệ thống quản lý có hiệu quả, ảnh hưởng của triều đình Sultan đối với các công quốc România đã bị giảm xuống mức chỉ còn trên danh nghĩa khi giờ đây nó buộc phải công nhận sự chiếm đóng và quản lý của Nga đối với các công quốc này. Đồng thời, quyền lực của Đế quốc đối với Moldavia và Wallachia giờ đây bị giới hạn trong việc công nhận các vương công đã được Hội đồng quý tộc địa phương (*Divan*) bầu chọn và thu một số khoản cống nạp cố định. Trong khi đó, sự can thiệp của Nga vào nội tình của các công quốc, theo thời gian, dần trở nên không bị cản trở, không bị giới hạn và được mở rộng với sự hiện diện của quân đội Nga trong các cuộc chiến tranh, cũng như của các cơ quan đại diện thường trực của Nga tại Iași và Bucharest. Trên thực tế, đến những năm 30 của thế kỷ XIX, các công quốc România đã gần như trở thành những vùng lãnh thổ độc lập được đặt dưới sự bảo trợ và chi phối của Đế quốc Nga. Mặt khác, thông qua việc Nga thiết lập, củng cố và duy trì ảnh hưởng của mình tại các công quốc România cùng với những hiệp ước được ký kết giữa Sankt Petersburg với Constantinople sau các cuộc chiến giữa hai bên cũng phần nào thể hiện tham vọng bành trướng của nước Nga về phía Tây. Đồng thời, nó cũng thể hiện sự thay đổi trong chiến lược của Nga đối với Đế quốc Ottoman. Khi mà giờ đây, thông qua Hiệp ước Adrianople (1829), Nga muốn duy trì một Đế quốc Ottoman bị suy yếu nhằm duy trì trên danh nghĩa hiện trạng khu vực và ngăn chặn sự can

thiệp của các cường quốc khác, thay vì xóa bỏ và phân chia nó như kế hoạch đã được Yekaterina II đề xuất với Josef II tại Mogilev vào năm 1780 và giữa Napoléon với Aleksandr I tại Tilsit năm 1807.

Đối với giới quý tộc của các công quốc România lúc bấy giờ, nước Nga đã tỏ ra là chỗ dựa tốt nhất cho cuộc chiến chống lại quyền lực Sultan và giành lại những quyền lợi đã bị mất vào tay người Hy Lạp kể từ khi chế độ *Phanariotes* được thiết lập; cũng như để thúc đẩy sự hình thành của một nhà nước thống nhất và độc lập của người România, đặc biệt là sau cuộc nổi dậy của Tudor Vladimirescu, vốn dẫn đến việc bãi bỏ chế độ cai trị của các vương công người Hy Lạp. Tuy nhiên, những ý niệm về một quốc gia dân tộc thống nhất lúc này vẫn chưa xuất hiện, còn giới quý tộc ở hai công quốc thì bị suy yếu do bị gạt ra khỏi những vai trò chính trị chủ chốt và bị chia rẽ bởi những đấu đá nội bộ. Một mặt, họ muốn viện đến sự giúp đỡ từ bên ngoài để khôi phục lại quyền vị của mình, nhưng mặt khác lại tỏ ra ái ngại trước cái giá phải trả cho sự giúp đỡ đó. Bởi trên thực tế, người Nga chỉ gây áp lực buộc triều đình Sultan phải trao thêm ngày càng nhiều quyền tự trị cho các công quốc România nhằm từng bước củng cố ảnh hưởng của mình đối với các công quốc này, từ đó mở đường cho những can thiệp sâu hơn vào tình hình khu vực. Trong một nửa thế kỷ sau đó, các công quốc Moldavia và Wallachia sẽ được thống nhất thành một quốc gia dân tộc thống nhất và giành được độc lập khỏi Đế quốc Ottoman với một vai trò không nhỏ thuộc về Nga. Nhưng đồng thời cũng cho thấy một mối quan hệ tương tác đầy phức tạp và căng thẳng giữa nó với Nga không chỉ trong cuộc chiến chống lại Đế quốc Ottoman mà còn tiếp tục kéo dài trong suốt thế kỷ XX và cho đến tận ngày nay.

CHÚ THÍCH

(1). Anthony Beevor, *The Second World War*, Little, Brown and Company, 2012, pp. 725-726.

(2). Sultan (Sultân) là một tước hiệu chỉ vua của ở các xứ mà *Islam* giáo được tôn là quốc giáo.

(3), (13), (15), (20). Barbara Jelavich, *History of the Balkans: Eighteenth and Nineteenth Centuries*, Cambridge University Press, 1983, pp. 99, 102, 103, 106-110.

(4). Barbara Jelavich, *Russia's Balkan Entanglements, 1806-1914*, Cambridge University Press, 1991, p. 2.

(5). Sau thất bại của các chiến dịch của Nga ở phía Bắc Biển Đen chống lại người Thổ (chiến dịch Krym năm 1687 và 1689) Nga đã phát động các chiến dịch Azov vào năm 1695 và đã chiếm đóng thành công Azov vào năm 1696. Sau đó, để chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại Đế quốc Thụy Điển, Sa hoàng Nga Peter Đại đế đã ký Hiệp ước Karlowitz với Đế chế Ottoman vào năm 1699 và Hiệp ước Constantinople vào năm 1700 với nội dung: Buộc Ottoman nhượng lại Azov, pháo đài Taganrog, Pavlovsk và Mius cho Nga; lập đại sứ Nga tại Constantinople; trao trả tất cả các tù nhân chiến tranh; Nga đảm bảo người Cossack sẽ không tấn công Ottoman. Đổi lại, Ottoman đảm bảo người Tatar Crimea sẽ không tấn công người Nga.

(6). Sau khi giành được lãnh thổ rộng lớn ở Ba Lan và phía Đông nước Đức ngày nay, đồng thời trở thành một cường quốc ở khu vực Baltic, năm 1708, Thụy Điển tiến hành xâm lược Nga. Số phận đế chế Thụy Điển được định đoạt trong trận Poltava ở miền Trung Ukraine vào tháng 6-1709. Trong trận này, Thụy Điển tổn thất gần như toàn bộ lực lượng khi có tới 19.000 binh sĩ thương vong. Tàn quân Thụy Điển bỏ chạy khỏi Nga với 543 lính sống sót. Thụy Điển mất hết lãnh thổ ở vùng Baltic, đế chế của họ cũng sụp đổ.

(7). Barbara Jelavich, *History of the Balkans: Eighteenth and Nineteenth Centuries*, Cambridge University Press, 1983, p. 101.

(8). Donald Quataert, *The Ottoman Empire, 1700-1922*, Cambridge University Press, 2005, p. 41.

(9). Nicholas V. Riasanovsky, Mark D. Steinberg, *A History of Russia*, Oxford University Press, 2019, p. 196.

(10). Will & Ariel Durant, *Story of Civilization, Vol. 10: Rousseau and Revolution*, Simon and Schuster, 1967, p.414.

(11). Lucian Boia, *History and Myth in Romanian Consciousness*, Central European University Press, 2001, pp.265-66, xem thêm trong Đào Tuấn Thành, *Một số vấn đề lịch sử Rumani cận hiện đại*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005, tr. 34-35.

(12). Alex Drace-Francis, *The Making of Modern Romanian Culture: Literacy and the Development of National Identity* I.B Tauris, 2006 p. 26.

(14). Constantin C. Giurescu, *Istoria Bucureștilor. Din cele mai vechi timpuri pînă în zilele noastre*, Editura pentru literatură, Bucharest, 1967, p. 93.

(16), (21). Đào Tuấn Thành, *Một số vấn đề lịch sử Rumani cận hiện đại*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005, tr. 35, 43.

(17), (19). Neagu Djuvara, *Între Orient și Occident. Țările române la începutul epocii modern. 1800-1848*, Humanitas, Bucharest, 2005, pp.[123-125-6], 69.

(18). Vlad Georgescu, *The Romanians: A History*, Ohio State University Press, 1991, p. 92.

(22), (24), (27), (35)(38). Barbara Jelavich, *Russia and the Formation of the Romanian National State, 1821-1878*, Cambridge University Press, 1984, p. 3, 4, 7-8, 12-13, 19.

(23). Will & Ariel Durant, *Story of Civilization, Vol. 10: Rousseau and Revolution*, Simon and Schuster, 1967, p. 458.

(25). Bernard Lewis, *The Middle East: A Brief History of the Last 2.000 Years*, Scribner, 1995, pp. 279-280.

(26). Vương quốc Dacia là một phần trong “Kế hoạch Hy Lạp” được thống nhất giữa Nga hoàng Yekaterina II với Áo hoàng Josef II vào đầu những năm 1780 nhằm phân chia lãnh thổ của Đế quốc Ottoman ở Balkan và Caucasus trên cơ sở phục hồi Đế quốc Byzantine với thủ đô là Constantinople. Kế hoạch này sau đó được xúc tiến bởi Grigory Potemkin khi đặt tên cho những thành phố mới được thành lập ở Novorossiia theo tên của các thành bang và thuộc địa Hy Lạp cổ đại, qua đó

tiếp tục củng cố ảnh hưởng của Nga đối với các cộng đồng người Hy Lạp ở các lãnh thổ của Đế quốc Ottoman. Tuy nhiên, đến đầu những năm 1790, kế hoạch này đã không trở thành hiện thực khi cả Nga lẫn Áo đều không thể đánh bại quân Ottoman và phải chuyển hướng chú ý sang đối phó với phong trào cách mạng ở Pháp.

(28). Ferdinand Schevill, *A History of the Balkans: From the Earliest Times to the Present Day*, Dorset Press, 1991, p. 270.

(29), (30), (31), (32), (33). Barbara Jelavich, *Russia and the Formation of the Romanian National State, 1821-1878*, Cambridge University Press, 1984, p. 14, 14, 15, 17, 13.

(34). Điều này được thể hiện khi nghe tin chiến tranh kết thúc và Ioan Caragea được Sultan bổ nhiệm làm vương công mới của Wallachia, người dân ở Bucharest đã tổ chức tiệc ăn mừng trong suốt 3 ngày (15-18/10/1812), tại đây những hình nộm lính Nga được cắm trên các cọc gỗ và diễu hành qua các đường phố trước khi bị châm lửa đốt cháy (Arnold Winckler, "Inceputul domniei lui Vodă Caragea. După actele Arhivelor Statului din Viena", *Revista Istorică*, X(1-3), 1924, pp. 1-7).

(36). Để được tiến cử làm vương công Wallachia, Caragea đã chi ra một khoản lên đến 8.000 túi tiền vàng, tương đương với khoảng 4.000.000 lei, để đút lót cho các quan chức Ottoman với dự định sẽ thu hồi lại số vốn liếng đó bằng tiền thuế của công quốc (Ion Ionașcu, "Politica fiscală a lui Ioan-Vodă Caragea oglindită în corespondența inedită a lui Manuc-Bei", *Studii și Articole de Istorie*, Bucharest, VIII, 1966, pp. 45-82).

(37). Theo ghi chép của Alexandre de Langeron, một sĩ quan người Pháp phục vụ trong quân đội Nga, Vương công Ioan Caragea hay Ioannis Karatzas vượt qua tất cả đối thủ của mình khi nói đến lòng tham vô độ và tính cách tàn nhẫn một cách không khoan nhượng (Neagu Djuvara, *Între Orient și Occident. Țările române la începutul epocii modern. 1800-1848*, Humanitas, Bucharest, 1995, p. 45).

(39). Ion Bulei, *Scurtă istorie a românilor*, Editura Meronia, Bucharest, 1998, pp. 56-57.

(40). Còn gọi là cuộc Chiến tranh giành độc lập Hy Lạp (1821-1829), hoặc cuộc chiến tranh cách mạng Hy Lạp. Đây là cuộc cách mạng của nhân

dân Hy Lạp, nằm dưới sự cai trị của Đế quốc Ottoman, nhằm mục đích giành độc lập. Kết quả, Hy Lạp trở thành nước đầu tiên dưới quyền cai trị của Đế quốc Ottoman giành được tự do với tư cách là một vương quốc độc lập có chủ quyền. Lễ kỷ niệm ngày độc lập (25-3-1821) trở thành ngày quốc khánh Hy Lạp hiện nay.

(41), (43), (48). Marie-Janine Calic, *The Great Cauldron: A History of Southeastern Europe*, Harvard University Press, 2019, p. 215.

(42). Brendan Simms, *Europe: The Struggle for Supremacy, from 1453 to the Present*, Basic Books, 2013, p. 191.

(44). Neagu Djuvara, *Între Orient și Occident. Țările române la începutul epocii modern. 1800-1848*, Humanitas, Bucharest, 1995, p. 89.

(45). L. S. Stavrinou, *The Balkans since 1453*, Rinehart & Company, Inc, 1958, p. 346 xem thêm trong Constantin C. Giurescu, *Istoria Bucureștilor. Din cele mai vechi timpuri pînă în zilele noastre*, Editura pentru Literatură, Bucharest, 1966, p. 118.

(46). Marie-Janine Calic, *The Great Cauldron: A History of Southeastern Europe*, Harvard University Press, 2019, p. 215 xem thêm trong Stevan K. Pavlowitch, *A History of the Balkans, 1804-1945*, Routledge, 2014, p. 41.

(47). Alex Drace-Francis, *The Making of Modern Romanian Culture: Literacy and the Development of National Identity*, I.B Tauris, 2006, p. 87.

(49). Keith Hitchins, *The Romanians, 1774-1866*, Oxford University Press, 1996, pp. 178-191.

(50). Chính sách và quyền lợi của các cường quốc châu Âu mâu thuẫn, đối nghịch lại nhau, nên không thể thống nhất được việc phải giải quyết cuộc khủng hoảng Hy Lạp. Cụ thể: Nga ủng hộ Hy Lạp vì cùng chung Chính thống giáo và cùng coi Thổ là kẻ thù; Anh và Áo ủng hộ Thổ để ngăn cản sự bành trướng của Nga; Pháp tìm cách phá hoại Anh vì những mâu thuẫn lâu đời giữa hai nước. Do đó, mãi đến năm 1826, khi Sa hoàng Nikolai I, mới lên ngôi đã tuyên bố nếu cần thiết, Nga sẽ đơn phương hành động để giúp Hy Lạp, đồng thời dư luận Anh và châu Âu cũng muốn bảo vệ người dân Hy Lạp nên Chính phủ Anh mới thấy rằng sự can thiệp vào Hy Lạp là giải pháp tốt nhất là Anh để

tránh thiệt hại cho quyền lợi của Anh. Kết quả là Liên minh ba cường quốc châu Âu Anh - Pháp - Nga ký Hiệp định London tháng 6 năm 1827, cam kết buộc Thổ phải ngưng các hoạt động quân sự ở Hy Lạp và trao cho Hy Lạp quyền tự trị.

(51). Barbara Jelavich, *Russia and the Formation of the Romanian National State, 1821-1878*, Cambridge University Press, 1984, p. 29.

(52). Hiệp ước Adrianople (còn được gọi là Hiệp ước Edirne) kết thúc Chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ 1828-1829, giữa Nga và Đế chế Ottoman. Hiệp ước được ký kết vào ngày 14-9-1829 tại Adrianople, có 4 phần chính với các điều khoản có lợi cho Nga: Nga có quyền tiếp cận các cửa sông của Danube và lãnh thổ mới trên Biển Đen và các quyền lợi khác như: Mở cửa Dardanelles cho tất cả các tàu thương mại, trao quyền tự trị cho Serbia, và hứa hẹn quyền tự trị cho Hy Lạp; cho phép Nga chiếm đóng Moldavia và Wallachia cho đến khi Đế chế Ottoman trả một khoản tiền bồi thường lớn; cho phép Nga tiếp cận cửa sông Danube và các pháo đài Akhaltsikhe và Akhalkalaki ở Georgia; Sultan công nhận quyền sở hữu của Nga đối với Gruzia (với Imeretia, Mingrelia, Guria) và của các Khanate của Erivan và Nakhichevan; mở cửa Dardanelles cho tất cả các tàu thuyền thương mại, nhất là tự do buôn bán ngũ cốc, gia súc và gỗ; Sultan bảo đảm quyền tự trị cho Serbia, trao quyền tự trị cho Hy Lạp; Nga được chiếm đóng Moldavia và Wallachia cho đến khi Đế chế Ottoman trả một khoản tiền lớn; xác định biên giới giữa Đế chế Ottoman và Wallachia trên thalweg của Danube; chuyển giao cho Wallachia quyền cai trị của rayas of Turnu, Giurgiu và Brăila. Tuy nhiên, phải đến Hiệp ước Hünkâr İskelesi (1833) các vấn đề về eo biển giữa các bên ký kết mới được giải quyết.

(53). Barbara Jelavich, *St. Petersburg and Moscow: Tsarist and Soviet Foreign Policy, 1814-1974*, Indiana University Press, 1974, p. 76.

(54). Barbara Jelavich, *Russia and the Formation of the Romanian National State, 1821-1878*, Cambridge University Press, 1984, pp. 29-30.

(55). Stevan K. Pavlowitch, *A History of the Balkans, 1804-1945*, Routledge, 2014, p. 58.

(56). Pavel Kiselyov sinh ngày 19-1-1788 ở Moscow, Nga và mất ngày 14-11-1872 ở Paris, Pháp. Trong Chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ 1828-1829 Kiselyov được bổ nhiệm chỉ huy quân đội Nga chiếm đóng ở Wallachia và Moldavia, kiêm chức đặc mệnh toàn quyền của Divans ở Wallachia và Moldavia (thống đốc trên thực tế) vào ngày 19-10-1829. Ông cũng là người quyền lực nhất tại các công quốc România cho đến năm 1834, khi Mahmud II, Quốc vương Ottoman, bổ nhiệm các thống đốc mới, Alexandru II Ghica ở Wallachia và Mihail Sturdza ở Moldavia. Dưới sự điều hành của ông, hai công quốc đã có hiến pháp (chế độ Organichesky - Regulamentul Organic) đầu tiên (ở Wallachia năm 1831 và ở Moldavia năm 1832), và vẫn có hiệu lực cho đến khi các công quốc này được hợp nhất vào năm 1859, với một thời gian gián đoạn ngắn ở Wallachia trong Cách mạng năm 1848. Mặc dù có những thiếu sót, nhưng Quy chế đã có tác dụng có lợi đối với nền kinh tế và chính trị của các Công quốc. Ông cũng đóng vai trò chính trong việc xây dựng một trong những tuyến đường huyết mạch quan trọng nhất ở Bucharest, Soseaua Kiseleff (Đường Kiseleff), phần tiếp nối về phía bắc của Calea Victoriei (khi đó được gọi là Podul Mogoșoaiei).

Pavel Kiselyov được xem là nhà cải cách xuất sắc nhất dưới triều đại của Nga hoàng Nicholas I. Các cải cách của ông chủ yếu là đề cao bước đầu vai trò của nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và đời sống của nông dân - nhóm dân số không phải là nông nô. Tháng 12-1837, ông đứng đầu Bộ Tài sản nhà nước và chính Bộ này đã đóng vai trò quan trọng trong cải cách nông nghiệp và các vấn đề nông dân ở Nga trong nhiều thập kỷ sau đó, trên cơ sở đó, kho dự trữ ngũ cốc chung và các trường học được xây dựng, nông dân trong phạm vi Đế quốc Nga được giúp để thay đổi một số thói quen trồng trọt, trồng một số loại cây mới như khoai tây... Những sáng kiến của ông báo trước một mức độ can thiệp mới của nhà nước vào đời sống của người dân nông thôn Nga và xác định các thông số chính cho những nỗ lực tiếp theo của Nga nhằm giải quyết "vấn đề nông dân" của mình (Xem thêm Paul W. Werth, 1837: Russia's Quiet Revolution, Oxford University Press, 2021).